

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K3
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày: 13-9-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K3, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Biên;

2. Ông Nguyễn Văn Xô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K3, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K3, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K3, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 06/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16A/2022/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26A/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V); Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V1 - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C-Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ-Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ-V; ông Bùi Anh V1 và ông Trình Hoàng Kh1 - Cán bộ V. Theo văn bản ủy quyền số 027812.22 ngày 01/3/2022. V1 có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn KĐ, xã L2, thị xã K3, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/7/2019, V và ông Phạm Văn T1 ký kết hợp đồng tín dụng số 4781660.19 với nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho ông Phạm Văn

T1 vay số tiền 940.000.000đ, thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 23/7/2019 đến ngày 22/7/2026. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân, thời điểm điều chỉnh lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật. Bất kỳ khoản tiền dư nợ gốc tín dụng nào đến hạn phải trả thanh toán mà bên vay chưa thanh toán cho Ngân hàng sẽ là nợ quá hạn và sẽ chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (*không tính theo lãi suất của chương trình ưu đãi/khuyến mại*) và được tính từ ngày khoản tiền dư nợ gốc đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày bên vay thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc. Ngày 22/7/2019, V - Chi nhánh Đồng Đa và ông Phạm Văn T1 ký kết hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7362664.19 với nội dung: Ông Phạm Văn T1 thế chấp tài sản bảo đảm là giấy tờ sở hữu phương tiện vận tải và xe Santafe TM4 2.4GDI 6AT, nhãn hiệu Hyundai, số khung RLUSV813DKN003657, số máy G4KJKA342929, loại xe ô tô con 7 chỗ ngồi, màu đỏ. Cùng ngày, ông Phạm Văn T1 có đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ gửi Ngân hàng thương mại quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa với nội dung: Đề nghị được giải ngân số tiền 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng). Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày 23/7/2019 đến ngày 22/7/2016. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,2%, lãi suất này được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất được điều chỉnh lại 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 30 hàng tháng, mỗi tháng trả 11.200.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi vào ngày 30 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Ngày 29/7/2019, ông Phạm Văn T1 đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại V Đồng Đa, hạn mức 60.000.000đ, mục đích sử dụng tiêu dùng. Cùng ngày, V đã chấp thuận và phát hành cho ông Phạm Văn T1 được sử dụng thẻ tín dụng tại V với hạn mức phê duyệt là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 05/8/2021, Ông T trả gốc và lãi kỳ 1 và kỳ 2, số tiền là 38.961.395 đồng (trong đó nợ gốc là 22.400.000 đồng, lãi là 16.561.395 đồng), vi phạm nghĩa vụ trả nợ kỳ 3 vào ngày 30/10/2019. Từ đó đến nay Ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận. V đã tiến hành thu giữ và bán tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng là chiếc xe ô tô Santafe, BKS: 34A-319.17 của ông Phạm Văn T1. Sau khi trừ đi các chi phí đấu giá số tiền còn lại 725.103.333đ được trừ vào số nợ gốc của ông Phạm Văn T1.

Nay phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán trả cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng hạn mức, tạm tính đến ngày 05/8/2021 là 579.543.049đ. Trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng là 409.761.254đ; dư nợ khoản vay thẻ tín dụng là 169.781.795đ; tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc theo thỏa thuận đối với ông Phạm Văn T1 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định tổng số nợ tính đến ngày 13/9/2022 là 642.928.140đ. Trong đó: Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng số 4781660.19 ngày 22/7/2019 là: 455.302.891đ (*Nợ gốc chưa thanh toán: 192.496.667đ, nợ lãi trong hạn: 140.109.191đ*); tổng số nợ theo thẻ tín dụng là: 187.625.249đ (*Gồm: Nợ gốc là 59.899.000đ, nợ lãi trong hạn: 34.882.555đ, nợ lãi quá hạn: 92.843.694đ*).

Bị đơn thông qua hình thức cuộc gọi trực tuyến (video call) xác định hiện đi làm xa nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã L2 thì chính quyền địa phương đều đã thông báo trực tiếp cho anh qua điện thoại. Anh xác định giữa anh và V có ký kết hợp đồng tín dụng để mua ô tô và hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Sau khi mua xe ô tô được khoảng 02 tháng thì anh bị tai nạn và đã nhờ V tiến hành giám định, chi trả bảo hiểm và đồng ý để ngân hàng xử lý phát mại xe ô tô. Sau đó anh vào trong miền nam có hành vi vi phạm pháp luật và bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vừa rồi mới được ra trại nên không có điều kiện trả nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện đòi tiền, anh đồng ý trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi, anh sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc cho ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K3 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán trả V số tiền, tính đến ngày 13/9/2022 là 642.928.140đ. Trong đó: Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng là: 455.302.891đ (*Nợ gốc chưa thanh toán: 192.496.667đ, nợ lãi trong hạn: 140.109.191đ*); tổng số nợ theo thẻ tín dụng là: 187.625.249đ (*Gồm: Nợ gốc là 59.899.000đ, nợ lãi trong hạn: 34.882.555đ, nợ lãi quá hạn: 92.843.694đ*). Kể từ ngày 14/9/2022, ông Phạm Văn T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của các kỳ trả lãi tiếp theo mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho V. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xuống địa phương tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp

các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho bị đơn. Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú (không có người thân thích), để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại Trụ sở UBND xã L2 và chỗ ở của bị đơn. Theo nội dung xác minh, sau khi Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng thì UBND xã L2 đã thông báo qua điện thoại cho bị đơn được biết. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Phạm Văn T1 theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Hiện Ông T vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp này được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- *Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:* Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai của người đại diện, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 192.496.667đ và nợ lãi, không yêu cầu giải quyết về hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, tài liệu có trong hồ sơ xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn T1 đã thanh toán nợ gốc (Kỳ 1 và Kỳ 2) số tiền 22.400.000đ. Sau khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía ngân hàng đã tiến hành thu giữ và bán tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô SantaFe, BKS: 34A-319.17 của ông Phạm Văn T1, sau khi trừ đi các chi phí đấu giá số tiền bán xe còn lại 725.103.333đ được trừ vào số nợ gốc của khoản vay. Như vậy, trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã bao gồm việc xử lý tài sản thế chấp (xe ô tô), để bảo đảm tính toàn diện HĐXX sẽ xem xét, đánh giá về quan hệ thế chấp trong vụ án.

[2]. Xét Hợp hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 4781660.19 ngày 22/7/2019, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7362664.19 ngày 22/7/2019 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tại khoản ngày 29/7/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Thực hiện Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc

tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tại khoản, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Văn T1 tổng số tiền 940.000.000đ (Chín trăm bốn mươi triệu đồng) thông qua Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/7/2019 và đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Phạm Văn với hạn mức cấp tín dụng để tiêu dùng là 60.000.000đ, ông Phạm Văn T1 đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả nợ (gốc+lãi) định kỳ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Đến kỳ trả nợ (gốc+lãi) ngày 30/10/2019 của hợp đồng tín dụng và đến hạn thanh toán của thẻ tín dụng, ông Phạm Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận. Phía nguyên đơn nhiều lần đôn đốc, thông báo việc trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ và không hợp tác nên ngân hàng khởi kiện vụ án đến Tòa án để thu hồi vốn theo nội dung thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng) và Biểu phí và Điều khoản điều kiện V Cash Back là có căn cứ.

3.2. Về số tiền gốc, tiền lãi chưa thanh toán:

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã trả nợ (gốc+lãi) của 02 kỳ đầu, số tiền là 38.961.395đ (*trong đó nợ gốc là 22.400.000 đồng, lãi là 16.561.395 đồng*), đến kỳ trả nợ thứ 3 (ngày 30/10/2019) bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng và không hoàn trả toàn bộ khoản thanh toán tối thiểu theo thẻ tín dụng. Theo quy định tại Mục 4.3 Điều 4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng) và Biểu phí và Điều khoản điều kiện V Cash Back thì toàn bộ số nợ gốc còn lại chuyển thành nợ quá hạn. Ngày 05/8/2021, V Thông báo về việc hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm đối với chiếc xe ô tô Santafe, BKS: 34A-319.17. Theo đó, sau khi trừ đi các chi phí đấu giá số tiền còn lại 725.103.333đ được trừ vào số nợ gốc của ông Phạm Văn T1. Như vậy, tổng số nợ gốc bị đơn đã trả theo hợp đồng tín dụng là 747.503.333đ, số nợ gốc chưa thanh toán là: 192.496.667đ. Nợ gốc theo thẻ tín dụng chưa thanh toán là 59.899.000đ. Do đó, bị đơn phải chịu lãi trên số tiền chậm thanh toán theo thỏa thuận.

3.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản bảo đảm cho khoản vay tín dụng là chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Huyndai, loại Santafe, biển số: 34A-319.17 mang tên Phạm Văn T1. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ nội dung thỏa thuận tại Điều 9 Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải thì ngân hàng có quyền bán tài sản bảo đảm mà không cần sự đồng ý của bên thế chấp. Sau khi bán tài sản thế chấp, ngày 05/8/2021 ngân hàng đã tiến hành thông báo hoàn tất việc xử lý tài sản bảo đảm và sử dụng số tiền thu được theo đúng nội dung thỏa thuận, phù hợp với quy định tại các điều 299, 304, 307 và 308 Bộ luật Dân sự. Như vậy, việc bán tài sản bảo đảm của V là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp hồ sơ về việc thu giữ, bán tài sản thế chấp, thủ tục thông báo cho bị đơn nhưng phía ngân hàng chỉ cung cấp được Thông báo về việc hoàn tất xử lý tài sản bảo đảm với lý

do người quản lý hồ sơ thu giữ tài sản bảo đảm trước đây đã nghỉ việc, không bàn giao lại. Trường hợp bên nhận thế chấp tự bán tài sản mà gây thiệt hại cho bên thế chấp thì phải bồi thường theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 303, 304, 307, 308, 317, 318, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Phạm Văn T1 phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền, tính đến ngày 13/9/2022 là 642.928.140đ (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi đồng*). Trong đó: Tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng số 4781660.19 ngày 22/7/2019 là: 455.302.891đ (*Nợ gốc chưa thanh toán: 192.496.667đ, nợ lãi trong hạn: 140.109.191đ*); tổng số tiền theo thẻ tín dụng là: 187.625.249đ (*Gồm: Nợ gốc là 59.899.000đ, nợ lãi trong hạn: 34.882.555đ, nợ lãi quá hạn: 92.843.694đ*).

Kể từ ngày 14/9/2022, ông Phạm Văn T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi của các kỳ trả lãi tiếp theo mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và tiền lãi theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện V Cash Back đối với thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải chịu số tiền (*đã làm tròn*) 29.717.125đ (*Hai mươi chín triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.600.000đ (*Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2020/0001260 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K3, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K3;
- Chi cục THADS thị xã K3;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huân